

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2021/TLST – HNGĐ ngày 04/11/2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST– HNGĐ ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ A, ấp AL, xã LA, huyện LT, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ B, khu KS, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Bà Th, ông T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và không thể giải quyết được. Do đó, ông T đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 tới nay. Kể từ đó, ông bà không gặp nhau, không liên lạc với nhau. Hiện, bà không còn tình cảm gì với ông T nữa nên làm đơn xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh ngày 01/12/1994. Cháu Th1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai ngày 03/12/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Th đăng ký kết hôn năm 1994 tại UBND xã LA trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông đã về nhà cha mẹ ruột tại khu KS, thị trấn LT sinh sống từ năm 2005 tới nay, ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà Th có đơn xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh ngày 01/12/1994. Cháu Th1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Th có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Th và ông T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy các đương sự đều tự nguyện ly hôn nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về con chung: Cháu Th1 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn T hiện cư trú tại thị trấn LT, huyện Long Th, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: bà Trần Thị Th khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn”.

- Bà Th, ông T là đương sự trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 tới nay. Điều này cũng được ông T thừa nhận.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn T là có thật. Bà Th, ông T đều thống nhất ly hôn, nhưng do ông T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành công nhận thuận tình ly hôn được. Do đó, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Th, cho bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh ngày 01/12/1994. Cháu Th1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về Tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: bà Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Th1, sinh ngày 01/12/1994. Cháu Th1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: không có.

Về Nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Bà Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0004816 ngày 01/11/2021.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung